

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 9 – 2019.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về tài
sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhung.

2. Bà Nguyễn Thị X.

Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về tài sản khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X – sinh năm: 1973.

Địa chỉ: 8/8 Tổ 5, Ấp 4, xã PD, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn L – sinh năm: 1961.

Địa chỉ: 8/8 Tổ 5, Ấp 4, xã PD, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Khu 9, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thành Đ – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Hoài P – Chức vụ: Cán bộ phòng kế hoạch kinh doanh (Văn bản ủy quyền ngày 29/7/2019).

(bà X, ông L, bà Phương có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà và ông Bùi Văn L tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của ông bà hạnh phúc đến năm 2013 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra, ông L thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc gia đình. Do đó trong cuộc sống chung thường xuyên cãi vã, tình cảm dần phai nhạt. Do tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn L.

Về con chung: Bà và ông L có 04 con chung là:

- Bùi Triệu Th – sinh ngày: 07/9/1994.
- Bùi Triệu Th1 – sinh ngày: 07/9/1994.
- Bùi Văn Th2 – sinh ngày: 06/9/1995.
- Bùi Thị Xuân Th3 – sinh ngày: 15/12/1999.

Hiện tại, các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông L có nợ Ngân hàng A số tiền gốc là 35.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 29/7/2019 là 520.000đ, tổng cộng là 35.520.000đ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà và ông L có trách nhiệm thanh toán và ông L tự nguyện thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng thì bà đồng ý.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Bùi Văn L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị X tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của ông bà hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Do đó trong cuộc sống chung thường xuyên cãi vã, tình cảm dần phai nhạt. Nay bà X yêu cầu ly hôn, nghĩ cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà X có 04 con chung là:

- Bùi Triệu Th – sinh ngày: 07/9/1994.
- Bùi Triệu Th1 – sinh ngày: 07/9/1994.
- Bùi Văn Th2 – sinh ngày: 06/9/1995.
- Bùi Thị Xuân Th3 – sinh ngày: 15/12/1999.

Hiện tại, các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà X có nợ Ngân hàng A số tiền gốc là 35.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 29/7/2019 là 520.000đ, tổng cộng là 35.520.000đ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông và bà X có trách nhiệm thanh toán thì ông tự nguyện thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Hoài P trình bày:

Vào ngày 25/7/2016, Ngân hàng A có ký hợp đồng tín dụng số 5909-LAV-201605498 cho ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị X vay số tiền 35.000.000đ, mục đích: Đầu tư nuôi ba ba, mua phân thuốc, máy xít. Thời hạn hạn mức là 36 tháng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ.

Đến ngày 05/12/2018, ông L và bà X nhận nợ số tiền 35.000.000đ, lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 10%/năm, thời hạn vay là 24 tháng, hạn trả ngày 03/12/2019 trả 5.000.000đ, hạn trả ngày 03/12/2020 trả 30.000.000đ. Khoản vay trên được thực hiện cho vay theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ. Ngân hàng có giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 727662 do UBND huyện Tân Phú cấp ngày 06/6/2018 đối với diện tích đất 2.907,8m² tại thửa 77 tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính xã PĐ do ông L và bà X đứng tên quyền sử dụng.

Từ khi vay đến ngày 01/3/2019, ông L và bà X đã thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi đầy đủ với số tiền 1.754.795đ.

Tính đến ngày 29/7/2019, ông L và bà X còn nợ số tiền gốc là 35.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 29/7/2019 là 520.000đ, tổng cộng là 35.520.000đ.

Nay Ngân hàng A yêu cầu ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm thanh toán 35.000.000đ tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/7/2019 là 520.000đ, tổng cộng là 35.520.000đ. Tại phiên hòa giải ngày 09/8/2019, ông L tự nguyện chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã giao nộp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ sau: Nguyên đơn giao nộp: CMND của bà X (bản sao); Sổ hộ khẩu của bà X và ông L (bản sao); Đơn xin xác nhận (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân (photo); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản sao); Quyết định số 52 ngày 30/8/1993 (bản sao); Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 (photo); Hợp đồng tín dụng (bản sao); Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn (bản sao); Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân (bản sao); Giấy ủy quyền ký kết các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (bản sao); CMND, Sổ hộ khẩu của ông L (photo); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (photo); Phụ lục kèm theo HĐTD (photo).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2019 của bà Nguyễn Thị X.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:
 - + Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị X và ông Bùi Văn L là vợ chồng.
 - + Về con chung: Hiện tại các con chung đã thành niên, bà X và ông L không yêu cầu giải quyết.
 - + Về tài sản chung: Bà X và ông L không yêu cầu giải quyết.
 - + Về nợ chung: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc ông Bùi Văn L tự nguyện chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A số tiền gốc là 35.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 29/7/2019 là 520.000đ, tổng cộng là 35.520.000đ.
 - + Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.
- Ông Bùi Văn L phải chịu 1.776.000đ án phí DSST về trách nhiệm thanh toán nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Bùi Văn L. Ông L đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Ngày 08/8/2019, Ngân hàng A khởi kiện bổ sung yêu cầu bà X và ông L có trách nhiệm thanh toán nợ chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về tài sản khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà X và ông L được xác lập vào năm 1993 là do tự nguyện, hai bên đều kê khai không đăng ký kết hôn. Qua kết quả xác nhận của Ủy ban nhân dân địa phương cho thấy lời khai của ông bà là chính xác. Ủy ban nhân dân địa phương không cấp giấy chứng nhận kết hôn cho ông bà nên hôn nhân của ông bà là không hợp pháp.

Trong quá trình chung sống ông bà đều thừa nhận sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Do tình cảm không còn nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông L. Ông L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà X.

Do hôn nhân của bà X và ông L không hợp pháp vì vậy khi có yêu cầu giải quyết ly hôn thì căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10; Mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP Tòa án mở phiên tòa xét xử để tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị X và ông Bùi Văn L là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà X và ông L có 04 con chung là:

- + Bùi Triệu Th – sinh ngày: 07/9/1994.
- + Bùi Triệu Th1 – sinh ngày: 07/9/1994.
- + Bùi Văn Th2 – sinh ngày: 06/9/1995.
- + Bùi Thị Xuân Th3 – sinh ngày: 15/12/1999.

Hiện tại, các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên bà Xuân và ông L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Bà X và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Ngày 25/7/2016, ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị X vay của Ngân hàng A số tiền gốc là 35.000.000đ theo hình thức vay vốn không có bảo đảm bằng tài sản. Bà X và ông L giao cho Ngân hàng 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 727662 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06/6/2008 cho ông Bùi Văn L và bà Bùi Thị Xuân và ủy quyền cho Ngân hàng ký kết các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Tính đến ngày 29/7/2019, ông L và bà X còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc là 35.000.000đ và tiền lãi là 520.000đ, tổng cộng là 35.520.000đ.

Tại phiên hòa giải ngày 09/8/2019, bà X, ông L và bà Phương tự nguyện thỏa thuận về việc ông L chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A số tiền gốc là 35.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 29/7/2019 là 520.000đ, tổng cộng là 35.520.000đ. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ngoài ra, ông Bùi Văn L còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5909-LAV-201605498 ngày 25/7/2016 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – chi nhánh huyện Tân Phú.

Khi ông L trả hết nợ vay cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – chi nhánh huyện Tân Phú thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà X và ông L 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 727662 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06/6/2008 cho ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị X.

[5]. Về án phí:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Ông Bùi Văn L phải chịu 1.776.000đ án phí dân sự sơ thẩm về trách nhiệm thanh toán nợ.

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH 10 của Quốc hội;
- Khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP;
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị X và ông Bùi Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà X và ông L có 04 con chung là:

+ Bùi Triệu Th – sinh ngày: 07/9/1994.

+ Bùi Triệu Th1 – sinh ngày: 07/9/1994.

+ Bùi Văn Th2 – sinh ngày: 06/9/1995.

+ Bùi Thị Xuân Th3 – sinh ngày: 15/12/1999.

Hiện tại, các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Bùi Văn L tự nguyện chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A số tiền gốc là 35.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 29/7/2019 là 520.000đ, tổng cộng là 35.520.000đ (Ba mươi lăm triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, ông Bùi Văn L còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5909-LAV-201605498 ngày 25/7/2016 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng A.

Khi ông L trả hết nợ vay cho Ngân hàng A thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà X và ông L 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 727662 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06/6/2008 cho ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị X.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà X đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 008301 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Ông Bùi Văn L phải chịu 1.776.000đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) án phí DSST có giá ngạch về trách nhiệm thanh toán nợ.

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền 888.000đ (Tám trăm tám mươi tám nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 008428 ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam